

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày: 27-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Ông Lê Mai Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/10/1976, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1945 và bà Vương Thị C, sinh năm 1947; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; có 01 con, sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 17/02/2019 trong vụ án Vì Văn T và đồng phạm bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố về tội Giết người, Hiếp dâm, Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 09/02/2019, Phạm Văn N điều khiển xe máy đến nhà Vì Thị T ở đội 05, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên mua ma túy sử dụng nhưng không mua được nên N gọi điện rủ Bùi Văn C ở đội 11, xã T, huyện Đ,

tỉnh Điện Biên cùng N vào nhà Vì Thị T mua 04 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên. Sau đó, N cùng C sử dụng hết 03 viên Methamphetamine ngay tại bàn uống nước trong nhà Vì Thị T, trước sự chứng kiến của Vì Văn T (chồng T), còn lại 01 viên Methamphetamine N mang về nhà sử dụng. Đến ngày 26/3/2019, N làm đơn tố giác việc mua bán ma túy trên.

Ngoài ra, Phạm Văn N còn khai nhận trước đó đã 04 lần đi xe đạp điện đến nhà Bùi Văn C ở đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên mua ma túy Methamphetamine để sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Nhiệm mua của C 02 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên vào đầu tháng 01/2019.

Lần 2: Cách lần 01 khoảng mấy ngày N đến mua của C 01 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên.

Lần 3: Cách lần 02 khoảng mấy ngày N đến mua của C 03 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên.

Lần 4: Vào ngày 03/2/2019, N đến gặp C vay 01 triệu đồng nhưng N chỉ lấy 500.000 đồng số tiền còn lại N nhờ C mua hộ 10 viên Methamphetamine.

Những lần mua ma túy ở trên N đã trả tiền và đã sử dụng hết số ma túy này, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Căn cứ Công văn số 148/PC09 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên xác định: Trong thời gian từ 01/01/2019 đến 30/6/2019, khối lượng 01 viên ma túy loại Methamphetamine dao động từ 0,09 gam đến 0,1 gam. Như vậy, Phạm Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng là 1,62 gam Methamphetamine (04 lần mua tổng số 18 viên Methamphetamine). Còn lần Phạm Văn N mua 01 viên Methamphetamine có khối lượng 0,09 gam không đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS-P1 ngày 09/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Phạm Văn N để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 249; điểm s, r, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn N mức án từ 04 đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã nêu. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo Phạm Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và Luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của Vì Thị T, Vì Văn T, Bùi Văn C. Do bị cáo là người thường xuyên sử dụng ma túy, nên vào khoảng 10 giờ ngày 09/02/2019, Phạm Văn N điều khiển xe máy đến nhà Vì Thị T ở đội 05, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên mua ma túy sử dụng nhưng không mua được nên N gọi điện rủ Bùi Văn C ở đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cùng N đến nhà Vì Thị T mua 04 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên Methamphetamine. Sau đó, N cùng C sử dụng hết 03 viên Methamphetamine ngay tại bàn uống nước trong nhà Vì Thị T, trước sự chứng kiến của Vì Văn T (chồng T), còn lại 01 viên Methamphetamine N mang về nhà sử dụng. Ngoài ra, trước đó Phạm Văn N đã 04 lần đi xe đạp điện đến nhà Bùi Văn C ở đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên mua ma túy Methamphetamine để sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Nhiệm mua của C 02 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên vào đầu tháng 01/2019.

Lần 2: Cách lần 01 khoảng mấy ngày N đến mua của C 01 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên.

Lần 3: Cách lần 02 khoảng mấy ngày N đến mua của C 03 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng/01 viên.

Lần 4: Vào ngày 03/2/2019, N đến gặp C vay 01 triệu đồng nhưng N chỉ lấy 500.000 đồng số tiền còn lại N nhờ C mua hộ 10 viên Methamphetamine.

Như vậy, bị cáo Phạm Văn N đã mua tổng cộng 18 viên Methamphetamine có tổng khối lượng là 1,62 gam để sử dụng làm nhiều lần.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn N đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội,

đúng quy định của pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về tính chất của vụ án: Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi mua tổng cộng 18 viên Methamphetamine có tổng khối lượng là 1,62 gam để sử dụng làm nhiều lần của bị cáo Phạm Văn N đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Phạm Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội và đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; ngoài ra bị cáo Phạm Văn N có bố đẻ là ông Phạm Văn T và mẹ đẻ là bà Vương Thị C tham gia Kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, do đó bị cáo Phạm Văn N được áp dụng điểm s, r, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; song vẫn phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của Kiểm sát viên để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy nghề nghiệp chính của bị cáo làm ruộng, không có nguồn thu nhập nào khác, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[5] Về vật chứng vụ án: 18 viên Methamphetamine bị cáo mua của Bùi Văn C và Vì Thị T, bị cáo đã sử dụng hết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chiếc điện thoại và xe đạp điện bị cáo Phạm Văn N dùng làm phương tiện phạm tội, đã bị thu giữ và xử lý trong vụ án khác. Còn chiếc xe máy Nhiệm dùng làm phương tiện phạm tội thì N đã bán, cơ quan điều tra không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Số tiền 01 triệu đồng Bùi Văn C cho N vay, C cho N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án theo lời khai của bị cáo thì số ma túy mà bị cáo đã sử dụng là do bị cáo mua của Vì Thị T, Vì Văn T và Bùi Văn C là người đưa bị cáo đi mua ma túy. Hiện những người này đã bị giải quyết, xét xử trong vụ án khác nên cơ quan điều tra, truy tố không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N phạm tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 249; điểm s, r, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2019.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/4/2020).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TAND tối cao);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn

